**PHỤ LỤC XXV**

**MẪU BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ/CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÁN NIÊN, NĂM***(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| **Số:** | **Tp HCM, ngày 11 tháng 03 năm 2024** |

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ**

**Năm 2023**

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước**

1. **Thông tin về quỹ**
2. Tên của quỹ, loại hình quỹ: **QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DC (trước đây là Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam)**
3. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu chính của Quỹ là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam…), giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định. Quỹ thực hiện việc đầu tư bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

1. Thời hạn hoạt động của quỹ: được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, và không giới hạn về thời hạn hoạt động
2. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không có
3. Chính sách phân chia lợi nhuận: Quỹ DCBF sẽ không phân phối lợi nhuận
4. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành: 17,786,668.27 chứng chỉ Quỹ

|  |  |
| --- | --- |
| Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2022 | 18.686.118,68 CCQ |
| Tổng số lượng chứng Quỹ phát hành thêm trong kỳ  | 3.710.054,53 CCQ |
| Tổng số lượng chứng Quỹ mua lại trong kỳ |  (4.609.504,94) CCQ |
| Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2023 | 17.786.668,27 CCQ |

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: được đề cập trong Điều lệ được Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2022 của Quỹ Đầu tư Trái phiếu DC (tên cũ: Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam) thông qua ngày 17/04/2023. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ/công ty quản lý quỹ tại đường dẫn DCBF- Điều lệ quỹ năm 2023. (dragoncapital.com.vn).

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2022 của Quỹ Đầu tư Trái phiếu DC (tên cũ: Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam) ngày 17/04/2023 đã thông qua nội dung kết quả hoạt động của Quỹ năm 2022, kế hoạch hoạt động của quỹ năm 2023, báo cáo tài chính đã kiểm toán của quỹ năm 2022, ngân sách ban đại diện quỹ 2023, ủy quyền ban đại diện quỹ lựa chọn công ty kiểm toán năm 2023, những thay đổi về điều lệ quỹ phù hợp với pháp luật... Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ/công ty quản lý quỹ tại đường dẫn DCBF- CBTT Biên bản, nghị quyết đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2022- ngày 17/04/2023. (dragoncapital.com.vn).

i) Ý kiến nhận xét của NHGS về các nội dung quy định Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán

 Xin xem chi tiết tại Mục 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.

1. **Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ**
2. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:
* Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu…) tại ngày 31/12/2023 gồm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu**  | **31/12/2023** | **31/12/2022** | **31/12/2021** |
| 1 | Trái phiếu | 377.594.675.142 | 310.798.460.703 | 509.023.498.166 |
|
| 2 | Chứng chỉ tiền gửi | 35.000.000.000 | - | 272.467.247.849 |
| 3 | Tiền gửi ngân hàng | 25.199.614.737 | 120.061.179.782 | 35.067.117.398 |
| 4 | Tài sản khác | 13.801.970530 | 10.240.741.339 | 30.517.475.695 |
|  | **Tổng giá trị danh mục** | **451.596.260.409** | **441.100.381.824** | **847.075.339.108** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/12/2023** | **31/12/2022** | **31/12/2021** |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ | 451.596.260.409 | 434.864.897.100 | 828.024.026.231 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành | 17.786.668,27 | 18.686.118,68 | 37.166.709,39 |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) | 25.389,59 | 23.272,08 | 22.278,64 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 25.389,59 | 23.780,78 | 22.278,64 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 23.277,66 | 22.306,59 | 20.779,52 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 9,10% | 4,46% | 7,34% |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 0,93% | (5,35%) | (1,09%) |
| 2.9.2.Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 8,17% | 9,80% | 8,43% |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | Không có | Không có | Không có |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 1,48% | 1,40% | 1,31% |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 166,68% | 127,79% | 94,59% |

Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi…) (giá trị thu nhập);

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Số tiền** |
| 1 | Lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) | 1.062.707.963 |
| 2 | Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, chứng chỉ tiền gửi, lãi suất tiền gửi) | 37.966.620.921 |
| 3 | Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu | 2.062.879.766 |
| 4 | Tổng chi phí | -6.201.720.189 |
| 5 | Thu nhập khác | - |
| 6 | Chi phí khác |  -  |
|  | **Tổng lợi nhuận** | **34.890.488.461** |

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ: không có

- Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Lợi nhuận của quỹ phát sinh trong thời hạn 12 tháng, 36 tháng, 60 tháng gần nhất:

|  |
| --- |
| **Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:**  |
| (i)trong thời hạn 12 tháng (1 năm) | 34.890.488.462 |
| (ii)trong thời hạn 36 tháng (3 năm) (\*) | 46.539.407.046 |
| (iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm) (\*) | 46.695.736.302 |

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ;

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 3 Cty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm

d) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

1. **Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ**

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ bao gồm các nội dung sau:

1. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: *không có*
2. Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ):

Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, giá trị tài sản ròng của quỹ DCBF là 25.389,59 đồng/ CCQ, tăng 9,1% so với cuối tháng năm 2022. Năm 2023, điều kiện mặt bằng lãi suất trên thì trường tiếp tục giảm ở mức rất thấp. Tuy nhiên, với mức phân bổ lớn vào các trái phiếu doanh nghiệp có lợi suất tốt, lợi nhuận của Quỹ vẫn được duy trì ở mức ổn định

1. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): *Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.*
2. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): *Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.*

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ: *Trong kỳ quỹ áp dụng chính xác các chiến lược, chiến thuật đầu tư như đã được công bố trong Bản cáo bạch (không bổ sung gì thêm)*

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo*:*

Trong năm 2023, quỹ thực hiện một số giao dịch liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) và trái phiếu Chính phủ (TPCP), theo đó giảm tỷ trọng đầu tư vào TPDN và tăng tỷ trọng khoản đầu tư trái phiếu TPCP và đồng thời tăng tỷ trọng khoản tiền mặt và tiền gửi. Tại thời điểm 31/12/2023, khoản đầu tư vào TPDN, chiếm tỷ trọng lớn nhất danh mục quỹ ở mức 69,8% (trong đó, khoảng 30% là trái phiếu doanh nghiệp kỳ hạn dưới 1 năm); tiếp đến là tiền mặt và tiền gửi ngân hàng với tổng tỷ trọng 14,0%, khoản đầu tư TPCP với tỷ trọng 8,9%, và khoản đầu tư chứng chỉ tiền gửi chiếm 7,4%. Kỳ hạn trung bình còn lại của danh mục khoảng 1,8 năm. Danh mục này hiện đang có mức lãi suất tái đầu tư tốt và được kỳ vọng sẽ duy trì ổn định trong những tháng tiếp theo.

Ưu tiên hàng đầu của quỹ là đảm bảo tính thanh khoản cao của danh mục đầu tư đồng thời mang lại một mức lợi nhuận tốt. Vì vậy, quỹ luôn duy trì khoản tiền và tương đương tiền ở mức phù hợp đáp ứng thanh khoản cho nhà đầu tư, song song với việc tiếp tục giữ mức phân bổ lớn vào các trái phiếu doanh nghiệp tốt.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, giá trị tài sản ròng của đơn vị quỹ DCBF (NAV/CCQ) ở mức 25.389,6 đồng, với mức tăng trưởng cả năm 2023 của quỹ là 9.1%. Mức tăng trưởng của quỹ tích lũy cả năm 2023 cao hơn mức tăng trưởng của lãi suất tiền gửi 12 tháng trung bình của 4 ngân hàng lớn nhất, với mức tăng cùng kỳ tương ứng là 6,67%. Tổng giá trị tài sản ròng và tổng tài sản của quỹ tại thời điểm 31/12/2023 tương ứng là 451,6 và 497,1 tỷ đồng.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ được phép đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản:

Tháng 12 khép lại năm 2023 với những kết quả khá khả quan. Lạm phát được kiểm soát tốt với mức tăng 3,3% so với cùng kỳ năm trước. Đây là năm thứ 7 liên tiếp lạm phát ở dưới mức 4%. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 5,05% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù con số này thấp hơn mục tiêu 6,5% cho cả năm, đây vẫn là mức cao hơn so với dự đoán 4,7% của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). Thặng dư thương mại đạt 28 tỷ USD và là một trong những yếu tố hỗ trợ sự ổn định của tỷ giá dựa trên lượng dự trữ ngoại hối lớn. Bên cạnh đó, đồng VND chỉ giảm giá trị 2,7% so với đồng USD, cao hơn so với mức trượt giá của đồng Nhân Dân Tệ - CNY (giảm 0,8%) nhưng vẫn thấp hơn so với mức giảm của đồng Yên Nhật - JPY (giảm 4%).

Trong nửa đầu năm 2023, thị trường đối mặt với nhiều bất ổn trên diện rộng. Lãi suất cho vay cao, trái phiếu bị vỡ nợ, thanh khoản thiếu hụt và thị trường bất động sản đóng băng. Lãi suất liên ngân hàng dao động trong biên độ lớn từ 4% đến 8,5% đối với kỳ hạn 3 tháng, trước khi hạ nhiệt và thể hiện rõ xu hướng giảm trong nửa sau 2023. Hàng loạt thay đổi chính sách liên quan đến thị trường trái phiếu, thị trường tiền tệ, đồng hành với chủ trương quyết liệt của Chính phủ trong việc giải quyết vấn đề đã giúp hệ thống tài chính và ngân hàng dần tháo gỡ những khó khăn tồn đọng từ năm trước. Trong nửa cuối của năm 2023, thanh khoản hệ thống ngân hàng đã được gia tăng, cải thiện và ở mức rất tốt. Kết năm 2023, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm được ổn định trong biên độ thấp từ 0,2% đến 1,1% tại thời điểm cuối năm 2023, trái ngược hoàn toàn với bức tranh vào cuối năm 2022.

Đối với Trái phiếu Chính phủ (TPCP), năm 2023 đã có 194 đợt đấu thầu TPCP với khối lượng phát hành đạt 298,5 nghìn tỷ đồng (12,3 tỷ USD), tăng 39% so với năm trước. Giá trị này tương đương 74,6% kế hoạch cả năm (400 nghìn tỷ đồng), cao hơn đáng kể so với tỷ lệ 54% trong 2022 và tương đương hơn 97,7% kế hoạch điều chỉnh của năm 2023 (305 nghìn tỷ đồng, vừa được công bố tại ngày làm việc cuối cùng của năm 2023 – 29/12/2023). Kỳ hạn bình quân của TPCP được phát hành trong năm 2023 đạt 12,6 năm với lãi suất phát hành bình quân 3,2%/năm. Kỳ hạn còn lại bình quân của TPCP hiện đang lưu hành đạt mức 9,1 năm.

Đối với thị trường thứ cấp, năm 2023 là một năm tỉ suất sinh lời của thị trường TPCP ở mức rất tốt. So với cuối năm 2022, lợi suất giao dịch giảm 2,3-3,2% ở tất cả các kỳ hạn. Đường cong lợi suất trở nên dốc hơn do các kỳ hạn ngắn giảm mạnh so với các kỳ hạn dài. So với đầu năm, lãi suất của các kỳ hạn ngắn nhất (dưới 5 năm) giảm trên 3,1%, trong khi các kỳ hạn dài nhất (trên 20 năm) giảm trên 2,5%. Tại thời điểm cuối năm, lãi suất TPCP nằm trong biên độ hẹp 2-3,3% đối với các kỳ hạn từ 1 năm đến 30 năm.

Trong năm 2023, tổng khối lượng giao dịch thông tường (Outright) trên thị trường thứ cấp tăng 10% so với năm trước, đạt giá trị 1,149 nghìn tỷ đồng, tương ứng 4,56 nghìn tỷ đồng/ngày. Khối lượng giao dịch mua bán lại (REPO) đạt giá trị 407 nghìn tỷ đồng với giá trị giao dịch bình quân 1,6 nghìn tỷ đồng/ngày. Nhìn chung, khối lượng giao dịch theo tháng đã phục hồi từ tháng 6/2023 sau giai đoạn giao dịch nằm ở mức thấp từ tháng 7/2022 đến tháng 2/2023, thể hiện thanh khoản tốt trong hệ thống ngân hàng.



Trong năm 2023, tổng giá trị phát hành mới của trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) đạt 311 nghìn tỷ đồng (12,8 tỷ USD), tăng 12% so với năm trước. Giá trị này bao gồm 29 đợt phát hành thông qua chào bán ra công chúng với tổng giá trị 37 nghìn tỷ đồng, xấp xỉ 11,9% tổng giá trị phát hành; và 286 đợt phát hành riêng lẻ đạt giá trị 275 nghìn tỷ đồng, xấp xỉ 88,1% tổng giá trị phát hành. Ngân hàng là ngành chiếm vị trí dẫn đầu với giá trị phát hành đạt 176 nghìn tỷ đồng, đóng góp 56,5% tổng giá trị phát hành. Bất động sản là ngành đứng thứ 2 với giá trị phát hành 73 nghìn tỷ đồng, tương đương tỷ trọng 23,5%. Các ngành còn lại bao gồm sản xuất, tiêu dùng, quản lý chuỗi cung ứng, năng lượng, và các ngành khác đóng góp 20% tỷ trọng còn lại.

Đối với tình hình thanh toán gốc lãi TPDN, tổng giá trị trái phiếu đến hạn trong năm 2023 được ước tính ở mức 285 nghìn tỷ đồng; trong đó, 111 nghìn tỷ đồng đã được gia hạn thành công. Hoạt động mua lại trái phiếu trước hạn cũng diễn ra tích cực với tổng giá trị 262 nghìn tỷ đồng. Điều này đồng nghĩa tổng giá trị TPDN thực tế được mua lại trong 2023 cao hơn tổng giá trị TPDN đáo hạn. So với giai đoạn khó khăn trong Quý 1/2023, số lượng trái phiếu mất khả năng thanh toán đã giảm đáng kể. Sự thay đổi về chính sách, môi trường lãi suất thấp và đặc biệt là nhận thức của nhà đầu tư giúp bình ổn và tái cấu trúc thị trường TPDN. Phương án tái cấu trúc phổ biến nhất là gia hạn thời gian đến hạn thêm từ 1 đến 2 năm.

Trong 2024, ước tính sẽ có 277 nghìn tỷ đồng TPDN sẽ đến hạn. Với tình hình thị trường hiện tại, nhiều khả năng các tổ chức phát hành sẽ cỏ đủ khả năng thanh toán nợ trái phiếu đến hạn. Song song với đó, tổng khối lượng phát hành sẽ gia tăng nhưng với mức độ thận trọng lớn hơn trước.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ; ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): *không có*

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: *không có*

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan : *không có*

hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở về Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin.

**4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát**

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu DC (“DCBF” hoặc “Quỹ”) đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ đã thực hiện lưu ký tài sản theo các quy định pháp luật hiện hành.

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

* Theo Điểm c, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”) và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành; tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật (nếu có) của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ.’’ Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Tại một số kỳ định giá trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào một tổ chức phát hành đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời gian cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ.

* Theo Điểm đ, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Tại một số kỳ định giá trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời gian cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm đ, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Sổ tay định giá: việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, Sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật có liên quan.

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, ngoại trừ việc thanh toán tiền mua lại chứng chỉ Quỹ cho kỳ giao dịch ngày 24/03/2023 chi tiết như sau:

Theo Điểm c, Khoản 1, Điều 32, Thông tư 98 và Chương V, Bản cáo bạch của Quỹ quy định việc thanh toán lệnh bán chứng chỉ quỹ phải thực hiện trong thời hạn theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch nhưng không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

Ngày 31/03/2023, Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam đã gửi các chỉ thị thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho các Nhà đầu tư cho kỳ giao dịch ngày 24/03/2023 theo chi tiết trong báo cáo SR0046 – Danh sách Nhà đầu tư được thanh toán tiền chi tiết theo Đại lý phân phối của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với tư cách là Đại lý Chuyển nhượng của Quỹ. Tuy nhiên, ngày 31/03/2023, do lỗi hệ thống thanh toán của Ngân hàng thanh toán nên một lệnh thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ của một Nhà đầu tư trong danh sách nêu trên chưa được thực hiện thành công trong ngày.

Tại ngày 03/04/2023, khoản thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư nêu trên đã được thực hiện thanh toán đầy đủ.

f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền**

Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau:

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ;

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Tỷ lệ so với lợi nhuận** | **Tỷ lệ so với chi phí hoạt động** | **Tỷ lệ so với thu nhập** |
| Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng  | 0,38% | 2,22% | 0,32% |
| Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ  | 0,39% | 2,26% | 0,33% |

b) Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ);

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Số tiền** |
| 1  | Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng  | 132.000.000 |
| 2  | Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ  | 134.625.836 |

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dư phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư : Tốt

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Quyền Giám đốc Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư****Lê Hoàng Anh** |